

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HS-ST
Ngày 27-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trường;
Ông Lê Xuân Nghiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

Lao Văn N, tên gọi khác: Không, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2002 tại huyện huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lao Văn T, sinh năm 1974 và bà Nông Thị H, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Tại quyết định số 09/QĐ-TA ngày 31-7-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, thời gian chấp hành tại trường giáo dưỡng 24 (hai mươi tư) tháng (đã chấp hành xong ngày 11-6-2020); nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-01-2021 tại Nhà tạm giữ, Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lao Văn N: Bà Hoàng Thị T, trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lao Văn N là đối tượng nghiện ma túy Heroine từ khoảng cuối năm 2015, đầu năm 2016 Lao Văn N thường xuyên đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 25-01-2021, Lao Văn N từ nhà đến khu vực ngã 3 thị trấn M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn bắt xe khách đi đến ngã tư K, thuộc thị trấn K, huyện G, tỉnh Bắc Giang thì xuống xe và đi bộ vào khu vực nghĩa địa gần đó, trên đường đi Lao Văn N vào hiệu thuốc mua 01 xi lanh và 01 ống nước cất mực đích để sử dụng ma túy. Khi đến khu vực nghĩa địa bị cáo gặp một người đàn ông lạ mặt (không rõ tên tuổi, địa chỉ nơi ở), bị cáo đã hỏi người đó có ma túy bán không, nếu có thì bán ma túy cho bị cáo. Người đàn ông đó đồng ý và bán cho bị cáo 01 túi ni lông màu trắng miệng kẹp dính có viên đỏ bên trong đựng 01 túi ni lông màu trắng miệng kẹp dính có viên đỏ đựng ma túy Heroine và 30 (ba mươi) gói nhỏ bọc ngoài bằng giấy đều đựng ma túy Heroine, số ma túy này mua với giá là 1.000.000 đồng. Sau khi mua ma túy xong bị cáo lấy một phần nhỏ ma túy Heroine trong túi ni lông màu trắng, miệng kẹp dính có viên đỏ ra sử dụng. Số ma túy còn lại bị cáo đã cất vào ngăn nhỏ trong ví của bị cáo và đút vào túi quần sau bên trái. Sau đó bị cáo đi bộ ra ngã tư K và thấy có một người đàn ông đi xe máy qua đường, bị cáo đã nhờ người này chở đến khu vực có đèn xanh đèn đỏ thuộc thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn thì xuống xe. Khi đang định bắt xe khách về huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn yêu cầu kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang tạm giữ người và tang vật.

Tại bản kết luận giám định số:83/KL-PC09 ngày 27-01-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận:Chất bột màu trắng đựng trong túi ni lông màu trắng miệng kẹp dính có viên đỏ và 30 (ba mươi) gói nhỏ bọc ngoài bằng giấy gửi giám định đều là chất ma túy Heroine, có tổng khối lượng 0,535 gam (đã trừ bì).

Tại Bản cáo trạng số: 39/CT-VKS, ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Lao Văn N về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) phong bì thư dán kín bên trong đựng mẫu vật chất ma túy heroine hoàn trả sau giám định, có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Đình C, trợ lý giám định và hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn tại phần giáp lai mới và các vỏ bao gói; 01 ví giả da màu nâu đã cũ; 250.000 đồng được niêm phong trong một bì thư dán kín; 01 điện thoại Iphone màu bạc, đã sử dụng có số IMEI cuối là 39225.

Tại phiên tòa bị cáo Lao Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Lao Văn N về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo

từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền do bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì thư dán kín bên trong đựng mẫu vật chất ma túy heroine hoàn trả sau giám định cùng các vỏ bao gói và 01 ví giả da màu nâu; trả lại cho bị cáo số tiền 250.000 đồng được niêm phong trong một bì thư dán kín; 01 điện thoại Iphone màu bạc, đã sử dụng có số IMEI cuối là 39225 do không liên quan đến hành vi phạm tội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Lao Văn N, bà Hoàng Thị T vắng mặt tại phiên tòa, tại bản luận cứ bảo vệ bà đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp, thường xuyên sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hiểu biết hạn chế, được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí để áp dụng mức hình phạt cho bị cáo được hưởng hình phạt thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát để bị cáo có điều kiện khắc phục lỗi lầm, sớm trở thành người có ích cho xã hội, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tranh luận, đối đáp tại phiên tòa với đề nghị của người bào chữa: Bị cáo không phải là người có học vấn thấp, đã học đến lớp 9/12; bị cáo có nhân thân chưa tốt đã có 02 năm chấp hành tại trường giáo dưỡng nhưng chưa có ý thức rèn luyện; bị cáo khai sinh sống cùng mẹ và bà ngoại, bị cáo là người trưởng thành đáng lẽ ra bị cáo phải nhận thức được có trách nhiệm trong gia đình nhưng bị cáo không làm được mà lại nghiện ma túy và sử dụng tiền lao động có được để mua ma túy phục vụ nhu cầu bản thân, khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ tương đối nhiều, vì vậy hành vi của bị cáo đại diện Viện kiểm sát không nhất trí theo đề nghị của người bào chữa là áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; không chấp nhận đề nghị xử phạt bị cáo thấp hơn mức mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo nhận thấy lỗi lầm của bản thân, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm cải tạo trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc vắng mặt của người bào chữa cho bị cáo, bà Hoàng Thị T - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn trong hồ sơ thể hiện bà có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có Bản luận cứ bào chữa, xét thấy việc vắng mặt của người bào chữa không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 291 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Lao Văn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 25-01-2021, Lao Văn N một mình đi từ nhà đến khu vực nghĩa địa thuộc ngã tư thị trấn K, huyện G, tỉnh Bắc Giang mua với một người đàn ông không quen biết 01 túi ni lon ma túy và 30 gói nhỏ ma túy với giá 1.000.000 đồng. Lao Văn N đã lấy một phần ma túy ra sử dụng rồi cất số ma túy còn lại trong ví để về để sử dụng dần. Đến 18 giờ 20 phút cùng ngày, Lao Văn N về đến ngã tư Quốc lộ 1A thuộc địa phận thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy có tổng khối lượng 0,535 gam (đã trừ bì). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố đối với bị cáo Lao Văn N về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Ma túy là chất gây nghiện cao, có tác hại nghiêm trọng ảnh hưởng đến sức khỏe con người, gây thiệt hại về kinh tế. Ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và các tệ nạn trong xã hội. Bị cáo là người có đủ độ tuổi, năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, biết rõ tác hại của ma túy và quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng chất ma túy nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý nghiêm trước pháp luật.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, có 01 tiền sự: Tại quyết định số: 09/QĐ-TA ngày 31-7-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn, Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi Trộm cắp tài sản, thời gian chấp hành tại trường giáo dưỡng là 24 (hai mươi tư) tháng, đã chấp hành xong ngày 11-6-2020. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo thuộc dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được

quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Để giáo dục bị cáo Lao Văn N trở thành người có ích, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có đủ thời gian để bị cáo cải tạo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, qua đó làm gương cho những người khác có ý định phạm tội tương tự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền là hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Bị cáo nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng: 01 (một) phong bì thư dán kín bên trong đựng mẫu vật chất ma túy heroine hoàn trả sau giám định cùng các vỏ bao gói là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành; 01 ví giả da màu nâu đã cũ dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy; đối với số tiền 250.000 đồng được niêm phong trong một bì thư dán kín và 01 điện thoại Iphone màu bạc, đã sử dụng có số IMEI cuối là 39225 xác định không dùng vào việc phạm tội cần tuyên trả lại cho bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[9] Đối với người đàn ông bán ma túy cho Lao Văn N tại ngã tư Thị trấn K, huyện G, tỉnh Bắc Giang và người đàn ông cho Lao Văn N đi nhờ xe máy. Do không xác định được nhân thân lai lịch, nên cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn không có cơ sở xác minh làm rõ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[10] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo đưa ra về áp dụng điều luật là phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn đại diện Viện kiểm sát đề nghị là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác của vụ án. Xét thấy đề nghị này là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Lao Văn N bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 291; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lao Văn N phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lao Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 25 tháng 01 năm 2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì thư dán kín đựng mẫu vật chất ma túy heroine hoàn trả sau giám định cùng các vỏ bao gói có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Đình C, trợ lý giám định và hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn tại phần giáp lai mới; 01 ví giả da màu nâu đã cũ.

3.2. Tuyên trả lại cho bị cáo Lao Văn N số tiền 250.000 đồng tiền Việt Nam được niêm phong trong một bì thư dán kín; 01 điện thoại Iphone màu bạc, đã sử dụng có số IMEI cuối là 39225.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14 tháng 5 năm 2021).

4. Về án phí: Bị cáo Lao Văn N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:- TAND tỉnh Lạng Sơn;

- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an h Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHS CA h Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Nhà tạm giữ CA h Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Huyền

